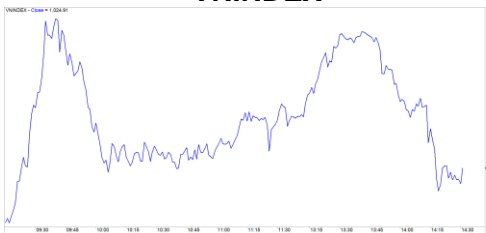


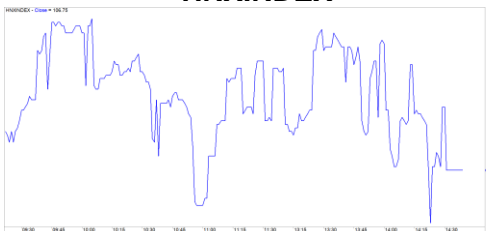
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,024.91	106.75	56.60
% ngày	0.06%	0.04%	-0.02%
% tuần	2.40%	0.81%	0.60%
% tháng	3.78%	1.51%	-0.58%
% năm	11.16%	2.10%	9.60%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,635	287	325
TB 1 tuần	4,675	376	254
TB 1 tháng	3,933	409	225
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	587.79	1.38	25.55
Bán	677.61	6.36	42.95
Giá trị ròng	-89.82	-4.98	-17.41
Độ rộng TT			
Mã Tăng	159	58	186
Mã Giảm	131	55	105
Không Đổi	96	255	610
Chỉ số chính			
P/E	16.70	9.32	17.87
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,501	192	984
LS Cổ tức	1.40%	4.58%	5.34%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục duy trì sắc xanh nhưng xung lực tăng tiếp tục suy yếu. Chỉ số VN-Index chỉ tăng nhẹ 0.06% chốt tại 1024.91 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng chỉ tăng nhẹ 0.04% dừng 106.75 điểm. Chỉ số Upcom-Index giảm nhẹ dưới tham chiếu. Dòng tiền tiếp tục suy yếu với giá trị giao dịch khớp lệnh chỉ đạt hơn 4,100 tỷ đồng trên toàn thị trường

Nhóm vốn hóa lớn phân hóa mạnh trong phiên hôm nay trong đó HDB(-1.4%), VRE(-1.3%), GAS(-1.1%), BID(-0.7%) có mức giảm đáng chú ý nhất. Áp lực chốt lời cũng khiến VHM(+1.5%), MBB(+1.3%), VIC(+0.3%) rút ngắn mức tăng mặc dù tăng rất khá trong phiên. MBB lúc cao nhất phiên tăng hơn 2.7% với thanh khoản hơn 10 triệu cổ phiếu. Đây cũng là mức thanh khoản cao nhất trong vòng 15 phiên trở lại đây của MBB. Trong khi đà tăng ở nhóm Large-Cap có dấu chững lại thì nhóm Mid-Cap và Small-Cap có giao dịch tích cực như HVG(+4.7%), NBB(+3.3%), HSG(+2.8%), TDH(+2.5%). DXG(+2.2) cũng là tâm điểm của phiên khi đồ thị giá được hỗ trợ tại MA(100) và phiên bật hôm nay đi kèm với thanh khoản tích cực hơn 3,8 triệu cp.

Khối ngoại bán ròng mạnh với giá trị 112 tỷ đồng trên cả ba sàn chủ yếu thông qua hình thức thỏa thuận của VJC, VNM, VHM. VCB dẫn đầu ở chiều bán ròng với giá trị 34.1 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, E1VFN30, HCM được mua ròng tích cực nhất lần lượt 28.4 tỷ và 11.8 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn rung lắc và điều chỉnh trong phiên tới và vùng hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh là 1,010 – 1,015 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, xu hướng tăng ngắn hạn vẫn còn rất mạnh cho nên nhịp điều chỉnh có thể sẽ nhanh chóng kết thúc và các nhà đầu tư nên chú ý vào sự dịch chuyển của dòng tiền. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì trên mức 50% cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn là nắm giữ tỷ trọng cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 1,010.96 điểm của chỉ số VN-Index và 104.57 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục và chú ý vào sự dịch chuyển của dòng tiền, đặc biệt hạn chế mua đuổi ở nhịp tăng và ưu tiên nắm giữ tỷ trọng cao ở nhóm Largecaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 51% cổ phiếu/49% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.70	TĂNG	GIẢM	15.65	15.18	0.32%			16.59		
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
ACV	80.00	TĂNG	GIẢM	75.80	77.56	5.54%			83.54		
ANV	25.80	GIẢM	GIẢM		26.57				27.58		
ASM	6.53	GIẢM	TĂNG		6.83			7.61	6.38	-14.19%	
BFC	15.00	GIẢM	GIẢM		15.57				16.69		
BID	42.20	TĂNG	TĂNG	42.20	40.75	0.00%		33.40	37.21	26.35%	
BMP	53.50	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.28%		48.30	48.32	10.77%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.39	0.00%			10.51		
BVH	75.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.32	1.49%			76.84		
BWE	25.10	GIẢM	GIẢM		26.07			20.00	25.45	27.27%	BÁN
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.76				10.31		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-1.84%	
CMG	38.80	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	-0.26%		23.20	34.96	67.24%	
CMX	16.00	GIẢM	GIẢM		18.96				26.80		
CSM	14.65	GIẢM	TĂNG		14.95			14.39	14.22	1.80%	
CTD	75.10	GIẢM	GIẢM		79.09				96.25		
CTG	22.30	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.69%		22.00	19.85	1.36%	
CTR	50.50	TĂNG	N/A	46.50	47.26	8.60%		-	N/A		
CVT	23.30	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	9.65%		20.35	20.61	14.50%	
DCM	7.26	GIẢM	TĂNG		7.50			8.54	7.15	-14.99%	
DGC	25.90	GIẢM	GIẢM		26.59				28.96		
DGW	26.00	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.69%		23.50	23.07	10.64%	
DHA	31.85	TĂNG	GIẢM	31.85	31.51	0.00%	MUA		34.57		
DHC	38.00	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	15.15%		37.70	35.33	0.80%	MUA
DHG	93.90	TĂNG	GIẢM	93.50	90.91	0.43%			99.56		
DIG	13.80	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-0.72%	
DPG	46.20	TĂNG	GIẢM	46.60	43.60	-0.86%			50.61		
DPM	13.75	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-8.03%	
DPR	37.15	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-1.20%			40.40		
DQC	16.90	GIẢM	GIẢM		17.78				20.25		
DRC	22.85	GIẢM	TĂNG		23.95			21.60	21.72	5.79%	
DXG	16.20	GIẢM	TĂNG		16.24			15.50	14.86	4.52%	
EIB	17.40	TĂNG	GIẢM	17.40	16.12	0.00%			17.85		
FCN	12.00	GIẢM	GIẢM		12.64				13.36		

We Create Fortune

FMC	26.95	GIẢM	TĂNG		27.81			31.60	26.18	-14.72%	
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.68	2.23%		46.00	52.88	29.35%	
GAS	105.80	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.24%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.20	20.77	3.71%	
GIL	20.60	GIẢM	GIẢM		21.64				22.88		
GMD	25.55	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.25%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.65	TĂNG	TĂNG	20.00	20.01	8.25%		15.00	18.39	44.33%	
GVR	14.10	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-2.76%			N/A		
HAG	4.15	GIẢM	GIẢM	4.46	4.21	-5.65%	BÁN		4.83		
HAX	18.05	GIẢM	GIẢM		20.08			23.25	18.34	-21.10%	BÁN
HBC	12.75	GIẢM	GIẢM		13.10				15.19		
HCM	24.75	TĂNG	TĂNG	23.90	23.52	3.56%		23.40	21.08	5.77%	
HDB	29.10	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.65%		28.00	26.40	3.93%	
HDC	22.75	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	49.18%	
HDG	35.65	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	0.99%	
HNG	14.85	GIẢM	GIẢM		15.26				16.99		
HPG	22.00	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	-0.90%			23.82		
HSG	7.35	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.23%			7.42		
HT1	16.60	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	0.30%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	35.90	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-1.64%			36.93		
KBC	14.30	GIẢM	TĂNG		14.91			15.35	13.91	-6.84%	
KDH	27.05	TĂNG	TĂNG	25.80	25.95	4.84%		24.00	23.87	12.71%	
KSB	18.80	GIẢM	GIẢM		19.37				23.17		
LCG	8.26	GIẢM	GIẢM		8.50				9.43		
LDG	10.70	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	8.19%	
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.44				17.63		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBB	23.55	TĂNG	TĂNG	23.55	23.50	0.00%	MUA	21.85	21.72	7.78%	
MPC	22.40	GIẢM	GIẢM		23.11				27.72		
MSN	76.00	GIẢM	GIẢM		76.49				81.47		
MSR	16.50	GIẢM	GIẢM		17.18				18.90		
MWG	124.60	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-2.27%		88.70	114.74	40.47%	
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.27	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.36%			6.45		
NLG	28.55	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.17%		28.70	26.73	-0.52%	
NT2	22.95	GIẢM	GIẢM		23.55				24.95		
NTL	22.60	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-1.31%			25.17		
NVL	58.70	GIẢM	TĂNG		60.92			63.00	58.45	-6.83%	

We Create Fortune

OIL	10.30	GIẢM	GIẢM		10.65				12.16		
PAC	26.50	GIẢM	GIẢM		27.51				31.03		
PC1	18.95	GIẢM	TĂNG		19.72			21.10	18.48	-10.19%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			29.00	25.01	-10.00%	
PHR	59.00	GIẢM	GIẢM		60.53				65.37		
PLX	59.20	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.17%			61.98		
PNJ	85.00	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	3.79%		104.00	78.69	-18.27%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%			13.98		
PVT	17.45	TĂNG	TĂNG	17.30	16.65	0.87%		18.30	16.28	-4.64%	
PPC	25.65	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-2.10%			28.36		
PTB	75.50	TĂNG	TĂNG	69.70	72.71	8.32%		64.00	68.01	17.97%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.93			20.10	18.62	-5.47%	
PVD	16.80	TĂNG	TĂNG	16.95	15.89	-0.88%		18.10	15.96	-7.18%	
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.61%			36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.20	-1.04%			20.75		
PXS	5.80	TĂNG	TĂNG	4.76	5.10	21.85%			5.20		
QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.80	27.80	-14.20%	
REE	37.90	TĂNG	TĂNG	37.95	36.70	-0.13%		33.33	35.23	13.73%	
SAB	260.00	TĂNG	GIẢM	260.00	252.53	0.00%			270.96		
SAM	8.10	TĂNG	TĂNG	7.99	7.98	1.38%		7.40	7.47	9.46%	
SCR	6.10	GIẢM	GIẢM		6.24				6.65		
SHI	9.10	GIẢM	TĂNG		9.42			6.99	8.30	30.19%	
SJS	15.30	TĂNG	GIẢM	15.30	15.29	0.00%	MUA	-	17.16		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.68				11.70		
SSI	21.70	TĂNG	GIẢM	21.75	21.12	-0.23%			22.27		
STB	11.00	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	24.75	TĂNG	TĂNG	22.65	23.90	9.27%		22.65	22.18	9.27%	
TCM	21.75	GIẢM	GIẢM		22.60				25.14		
TDH	10.15	GIẢM	GIẢM		10.47				11.77		
TLH	3.99	TĂNG	GIẢM	4.06	3.61	-1.72%			4.75		
TNG	15.50	GIẢM	GIẢM		16.45				19.09		
VCB	91.00	TĂNG	TĂNG	80.00	88.27	13.75%		62.00	79.18	46.77%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	1.11%		19.20	24.59	42.19%	
VCS	90.50	GIẢM	GIẢM		91.11				102.93		
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-5.50%			20.53		
VGT	8.50	GIẢM	GIẢM		8.90				9.78		
VHC	80.10	TĂNG	GIẢM	81.30	79.15	-1.48%			87.01		
VHM	99.40	TĂNG	TĂNG	88.80	93.36	11.94%		90.20	81.06	10.20%	
VIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.34			17.70	16.56	0.56%	

We Create Fortune

VIC	121.90	TĂNG	TĂNG	119.60	118.54	1.92%		112.00	113.76	8.84%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.40		
VJC	143.50	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.94%		124.50	134.37	15.26%	
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.02				14.93		
VNG	22.50	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.80%		20.20	20.93	11.39%	
VNM	130.10	GIẢM	TĂNG		134.72			130.10	124.25	0.00%	
VPB	22.15	TĂNG	TĂNG	22.25	21.45	-0.45%		20.30	20.56	9.11%	
VPI	41.10	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.61%		41.30	39.68	-0.48%	
VRC	17.65	TĂNG	TĂNG	16.05	15.85	9.97%			16.26		
VRE	35.15	TĂNG	TĂNG	32.70	34.03	7.49%		35.05	34.98	0.29%	MUA
VSC	26.15	GIẢM	GIẢM		26.56				28.69		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
BID	42.20	TĂNG	TĂNG	42.20	40.75	0.00%		33.40	37.21	26.35%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.39	0.00%			10.51		
BVH	75.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.32	1.49%			76.84		
CTG	22.30	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.69%		22.00	19.85	1.36%	
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.68	2.23%		40.23	52.88	47.91%	
GAS	105.80	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.24%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.26	20.77	3.40%	
GVR	14.10	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-2.76%			N/A		
HDB	29.10	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.65%		28.00	26.40	3.93%	
HNG	14.85	GIẢM	GIẢM		15.26				16.99		
HPG	22.00	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	-0.90%			23.82		
HVN	35.90	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-1.64%			36.93		
KDH	27.05	TĂNG	TĂNG	25.80	25.95	4.84%		24.00	23.87	12.71%	
MBB	23.55	TĂNG	TĂNG	23.55	23.50	0.00%	MUA	19.72	21.72	19.43%	
MSN	76.00	GIẢM	GIẢM		76.49				81.47		
MWG	124.60	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-2.27%		88.70	114.74	40.47%	
NVL	58.70	GIẢM	TĂNG		60.92			63.00	58.45	-6.83%	
OIL	10.30	GIẢM	GIẢM		10.65				12.16		
PLX	59.20	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.17%			61.98		
PNJ	85.00	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	3.79%		77.07	78.69	10.29%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%			13.98		



We Create Fortune

QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.26	27.80	-12.80%	
REE	37.90	TĂNG	TĂNG	37.95	36.70	-0.13%		33.33	35.23	13.73%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		26.00				28.27		
SBT	18.45	GIẢM	TĂNG		18.83			17.50	17.08	5.43%	
SSI	21.70	TĂNG	GIẢM	21.75	21.12	-0.23%			22.27		
STB	11.00	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	24.75	TĂNG	TĂNG	22.65	23.90	9.27%		22.65	22.18	9.27%	
TPB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.99	-0.88%			23.94		
VCB	91.00	TĂNG	TĂNG	80.00	88.27	13.75%		62.00	79.18	46.77%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	1.11%		18.44	24.59	48.04%	
VCS	90.50	GIẢM	GIẢM		91.11				102.93		
VEA	49.00	GIẢM	GIẢM		51.26				59.45		
VGI	31.70	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-5.65%			N/A		
VHM	99.40	TĂNG	TĂNG	88.80	93.36	11.94%		89.13	81.06	11.53%	
VIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.56	18.63%	
VIC	121.90	TĂNG	TĂNG	119.60	118.54	1.92%		112.00	113.76	8.84%	
VJC	143.50	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.94%		124.50	134.37	15.26%	
VNM	130.10	GIẢM	TĂNG		134.72			130.10	124.25	0.00%	
VPB	22.15	TĂNG	TĂNG	22.25	21.45	-0.45%		20.30	20.56	9.11%	
VRE	35.15	TĂNG	TĂNG	32.70	34.03	7.49%		35.05	34.98	0.29%	MUA

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.70	TĂNG	GIẢM	15.75	15.18	-0.32%			16.59		
ANV	25.80	GIẢM	GIẢM		26.57				27.58		
ASM	6.53	GIẢM	TĂNG		6.83			7.61	6.38	-14.19%	
BMI	27.00	TĂNG	TĂNG	26.00	25.64	3.85%		26.70	23.99	1.12%	
BMP	53.50	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.28%		48.30	48.32	10.77%	
BWE	25.10	GIẢM	GIẢM		26.07			19.44	25.45	30.94%	BÁN
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.76				10.31		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-1.84%	
CRE	24.60	GIẢM	GIẢM		25.10				25.94		
CTI	24.90	TĂNG	TĂNG	24.00	24.16	3.75%		25.05	22.66	-0.60%	
CTR	50.50	TĂNG	GIẢM	46.50	47.26	8.60%			53.42		
D2D	87.00	TĂNG	TĂNG	72.50	80.25	20.00%		83.10	69.72	4.69%	
DBD	57.00	TĂNG	TĂNG	55.10	52.48	3.45%		38.65	50.35	47.47%	



We Create Fortune

DCM	7.26	GIẢM	TĂNG		7.50			7.63	7.15	-4.88%	
DGW	26.00	TĂNG	TĂNG	24.12	25.26	7.81%		23.04	23.07	12.86%	
DHC	38.00	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	15.15%		37.70	35.33	0.80%	MUA
DIG	13.80	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-0.72%	
DPG	46.20	TĂNG	GIẢM	46.60	43.60	-0.86%			50.61		
DPM	13.75	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-8.03%	
DRC	22.85	GIẢM	TĂNG		23.95			21.60	21.72	5.79%	
DXG	16.20	GIẢM	TĂNG		16.24			15.50	14.86	4.52%	
E1VFN30	15.72	TĂNG	TĂNG	15.62	15.38	0.64%		15.26	14.82	3.01%	
FCN	12.00	GIẢM	GIẢM		12.64				13.36		
FLC	4.63	GIẢM	TĂNG		5.10			4.63	4.02	0.00%	
GEG	27.70	TĂNG	TĂNG	28.10	27.26	-1.42%		12.50	24.99	121.56%	
GMD	25.55	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.25%		26.91	26.02	-3.31%	
GTN	21.65	TĂNG	TĂNG	20.00	20.01	8.25%		15.00	18.39	44.33%	
HAG	4.15	GIẢM	GIẢM	4.46	4.21	-5.65%	BÁN		4.83		
HBC	12.75	GIẢM	GIẢM		13.10				15.19		
HCM	24.75	TĂNG	TĂNG	23.90	23.52	3.56%		23.40	21.08	5.77%	
HDC	22.75	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	49.18%	
HDG	35.65	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	0.99%	
HPX	26.50	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.35	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.23%			7.42		
HT1	16.60	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	0.30%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HTM	14.70	TĂNG	GIẢM	16.80	14.68	-12.50%			18.90		
IBC	20.85	TĂNG	GIẢM	20.60	20.45	1.21%			21.22		
IDI	5.48	GIẢM	TĂNG		5.59			7.53	5.22	-27.22%	
IJC	15.60	GIẢM	TĂNG		15.89			13.10	13.74	19.08%	
ITA	3.20	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-2.74%		3.20	2.96	0.00%	
KBC	14.30	GIẢM	TĂNG		14.91			14.85	13.91	-3.68%	
KDC	22.05	TĂNG	TĂNG	21.50	20.98	2.56%		21.90	18.93	0.68%	
KOS	27.50	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	2.61%		26.30	25.07	4.56%	
KSB	18.80	GIẢM	GIẢM		19.37				23.17		
LDG	10.70	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	8.19%	
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBG	42.00	TĂNG	TĂNG	13.70	38.44	206.57%		5.10	32.27	723.53%	
MBS	14.30	GIẢM	GIẢM		15.00				16.09		
MPC	22.40	GIẢM	GIẢM		23.11				27.72		
NBB	21.70	TĂNG	GIẢM	20.85	20.20	4.08%			22.02		
NKG	6.27	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.36%			6.45		

We Create Fortune

NLG	28.55	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.17%		26.28	26.73	8.63%	
NT2	22.95	GIẢM	GIẢM		23.55				24.95		
NTL	22.60	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-1.31%			25.17		
NVB	9.20	TĂNG	TĂNG	7.60	8.73	21.05%		8.50	7.74	8.24%	
OGC	3.90	GIẢM	GIẢM	4.01	3.91	-2.55%	BÁN		4.28		
PC1	18.95	GIẢM	TĂNG		19.72			19.30	18.48	-1.81%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	10.62%	
PHR	59.00	GIẢM	GIẢM		60.53				65.37		
PPC	25.65	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-2.10%			28.36		
PTB	75.50	TĂNG	TĂNG	69.70	72.71	8.32%		60.78	68.01	24.22%	
PVD	16.80	TĂNG	TĂNG	16.95	15.89	-0.88%		18.10	15.96	-7.18%	
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.61%			36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.20	-1.04%			20.75		
PVT	17.45	TĂNG	TĂNG	17.30	16.65	0.87%		17.31	16.28	0.84%	
QCG	4.55	TĂNG	GIẢM	4.76	4.53	-4.41%			5.27		
SCR	6.10	GIẢM	GIẢM		6.24				6.65		
SGP	8.50	GIẢM	GIẢM		9.11			12.30	8.95	-27.24%	BÁN
SHB	6.70	TĂNG	GIẢM	6.60	6.42	1.52%			6.86		
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.30	8.12	16.44%		8.40	7.19	1.19%	
SZC	17.45	TĂNG	#N/A	18.30	17.33	-4.64%			#N/A		
TCH	23.75	TĂNG	GIẢM	23.30	22.38	1.93%			25.82		
TCM	21.75	GIẢM	GIẢM		22.60				25.14		
TDH	10.15	GIẢM	GIẢM		10.47				11.77		
TNG	15.50	GIẢM	GIẢM		16.45				19.09		
TTB	19.20	GIẢM	GIẢM		20.32				23.98		
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-5.50%			20.53		
VGT	8.50	GIẢM	GIẢM		8.90				9.78		
VHC	80.10	TĂNG	GIẢM	81.30	79.15	-1.48%			87.01		
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.02				14.93		
VNG	22.50	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.80%		20.20	20.93	11.39%	
VPI	41.10	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.61%		41.30	39.68	-0.48%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	GIẢM		9.33				10.38		
AGR	4.20	GIẢM	GIẢM		4.36				4.85		



We Create Fortune

AMD	1.61	TĂNG	GIẢM	1.49	1.60	8.05%		1.67		
APG	9.49	TĂNG	TĂNG	8.76	8.51	8.33%		9.90	7.90	-4.14%
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25	
BCG	8.00	TĂNG	TĂNG	8.60	7.78	-6.98%		6.39	7.30	25.20%
C4G	6.50	TĂNG	GIẢM	6.90	6.22	-5.80%			7.72	
C69	12.50	GIẢM	GIẢM		15.92				26.16	
CCL	6.89	GIẢM	GIẢM		7.50				8.70	
CVT	23.30	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	9.65%		20.35	20.61	14.50%
DAH	9.99	TĂNG	GIẢM	10.60	9.94	-5.75%			11.48	
DLG	1.57	GIẢM	GIẢM		1.70				1.65	
DRH	5.16	GIẢM	GIẢM		5.39				7.54	
DTD	12.20	GIẢM	GIẢM		13.56				17.28	
EVG	2.67	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.96%			2.90	
FIT	4.10	GIẢM	TĂNG		4.48			3.64	3.79	12.64%
FTM	3.35	TĂNG	GIẢM	3.93	3.28	-14.76%			6.96	
FUES SV50	13.61	TĂNG	TĂNG	13.30	13.47	2.33%		12.85	12.78	5.91%
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%			15.54	
HAH	12.90	GIẢM	GIẢM		13.73			13.00	13.89	6.82%
HAI	1.89	TĂNG	TĂNG	1.69	1.76	11.83%		1.88	1.80	0.53%
HAR	3.50	GIẢM	GIẢM		3.64				3.88	
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09				12.07	
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.51	
HHS	3.06	GIẢM	TĂNG		3.24			3.36	2.94	-8.93%
HID	2.49	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	18.57%		2.63	2.14	-5.32%
HII	11.70	GIẢM	GIẢM		11.72				12.29	
HQC	1.07	GIẢM	GIẢM		1.15				1.25	
HSL	7.69	GIẢM	GIẢM		8.08				9.29	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71	
HVG	5.57	TĂNG	TĂNG	3.02	5.02	84.44%		3.90	2.45	42.82%
HVH	18.30	TĂNG	GIẢM	18.60	18.14	-1.61%			21.39	
IDJ	7.20	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	0.00%
JVC	4.15	GIẢM	TĂNG		4.44			3.10	4.11	33.87%
KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%			1.48	
LCG	8.26	GIẢM	GIẢM		8.50				9.43	
LGL	10.30	GIẢM	TĂNG		10.70			7.11	9.49	44.80%
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.44				17.63	
LMH	12.80	GIẢM	#N/A		13.30				#N/A	
MST	3.50	GIẢM	TĂNG		3.66			3.40	2.97	2.94%

We Create Fortune

NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	26.68%	
PHC	11.95	TĂNG	TĂNG	13.30	11.92	-10.15%		14.20	11.21	-15.85%	
PLP	10.20	GIẢM	GIẢM		10.90			10.95	10.55	-3.65%	BÁN
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.93			19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.60	TĂNG	TĂNG	6.89	7.20	10.33%		6.70	6.30	13.43%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40				1.50		
PXL	6.30	TĂNG	GIẢM	5.50	5.75	14.55%			6.41		
SHI	9.10	GIẢM	TĂNG		9.42			5.77	8.30	57.84%	
SJF	2.25	GIẢM	GIẢM		2.31				3.02		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.34				3.23		
TDC	8.58	GIẢM	TĂNG		9.00			7.05	8.48	21.63%	
TIG	4.80	TĂNG	TĂNG	3.40	4.32	41.18%		3.20	3.64	50.00%	
TLH	3.99	TĂNG	GIẢM	4.06	3.61	-1.72%			4.75		
TNA	19.05	TĂNG	TĂNG	13.70	17.14	39.05%		11.45	14.40	66.36%	
TNI	10.05	GIẢM	GIẢM		10.16				10.89		
TSC	3.34	TĂNG	TĂNG	1.88	3.01	77.66%		1.58	2.31	111.39%	
TTF	2.79	GIẢM	GIẢM		2.99				3.22		
TTH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.87				3.27		
TVC	15.60	GIẢM	TĂNG		16.13			14.30	14.38	9.09%	
VC3	24.20	GIẢM	TĂNG		24.73			22.00	23.05	10.00%	
VCR	16.30	GIẢM	GIẢM		19.48				23.69		
VNA	4.30	GIẢM	TĂNG		4.94			4.70	3.92	-8.51%	
VNE	3.49	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	17.65	TĂNG	TĂNG	16.05	15.85	9.97%			16.26		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	1024.34	0.19%	HNI	106.71	0.10%	UPCoM	56.61	0.04%
VN30	942.34	0.22%	HN30	189.37	0.88%			
VN Mid	974.29	0.34%	VNX	903.93	0.28%			
VN Small	788.05	0.36%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	782.9		Mua	1.80		Mua	30.36	
Bán	753.29		Bán	3.46		Bán	26.37	
GT rỗng	29.61		GT rỗng	-1.65		GT rỗng	3.99	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VRC	1150	6.97%	VCS	4400	5.09%	VCP	6400	14.88%
GTN	1400	6.86%	HUT	100	4.17%	BOT	2400	4.51%
EIB	900	5.45%	PVS	600	3.21%	NTC	7000	4.18%
HDC	950	4.33%	SHS	100	1.18%	CTR	1100	2.25%
PVD	600	3.67%	VCG	200	0.75%	VTP	2000	1.58%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	-300	-5.34%	MBG	-2100	-4.90%	NHH	-900	-1.96%
TVB	-600	-3.92%	VC3	-400	-1.63%	PXL	-100	-1.56%
MSH	-1800	-3.35%	VCR	-200	-1.19%	QNS	-300	-1.02%
TNA	-500	-2.67%	NVB	-100	-1.08%	MPC	-200	-0.91%
LGL	-250	-2.39%	CEO	-100	-1.06%	ACV	-700	-0.87%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	406,531		ACB	40,750		ACV	174,064	
VCB	336,766		VCS	14,544		VGI	96,087	
VHM	327,917		VCG	11,926		VEA	65,143	
VNM	224,986		PVS	9,225		GVR	55,284	
GAS	204,793		SHB	8,061		MCH	52,119	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	27,893,660	26,030,612	PVS	5,568,980	1,861,339	BSR	2,141,491	2,032,128
FLC	12,175,110	15,378,325	ACB	3,600,931	5,202,301	VCP	1,673,737	261,228
HPG	6,382,860	4,830,095	SHB	2,862,740	3,197,379	LPB	566,190	634,786
AAA	5,843,530	2,660,505	ART	1,297,000	1,182,285	VIB	397,715	1,018,742
SCR	5,480,640	3,564,911	HUT	997,713	1,323,524	GVR	372,943	576,301

Nguồn: Bloomberg & YSVN

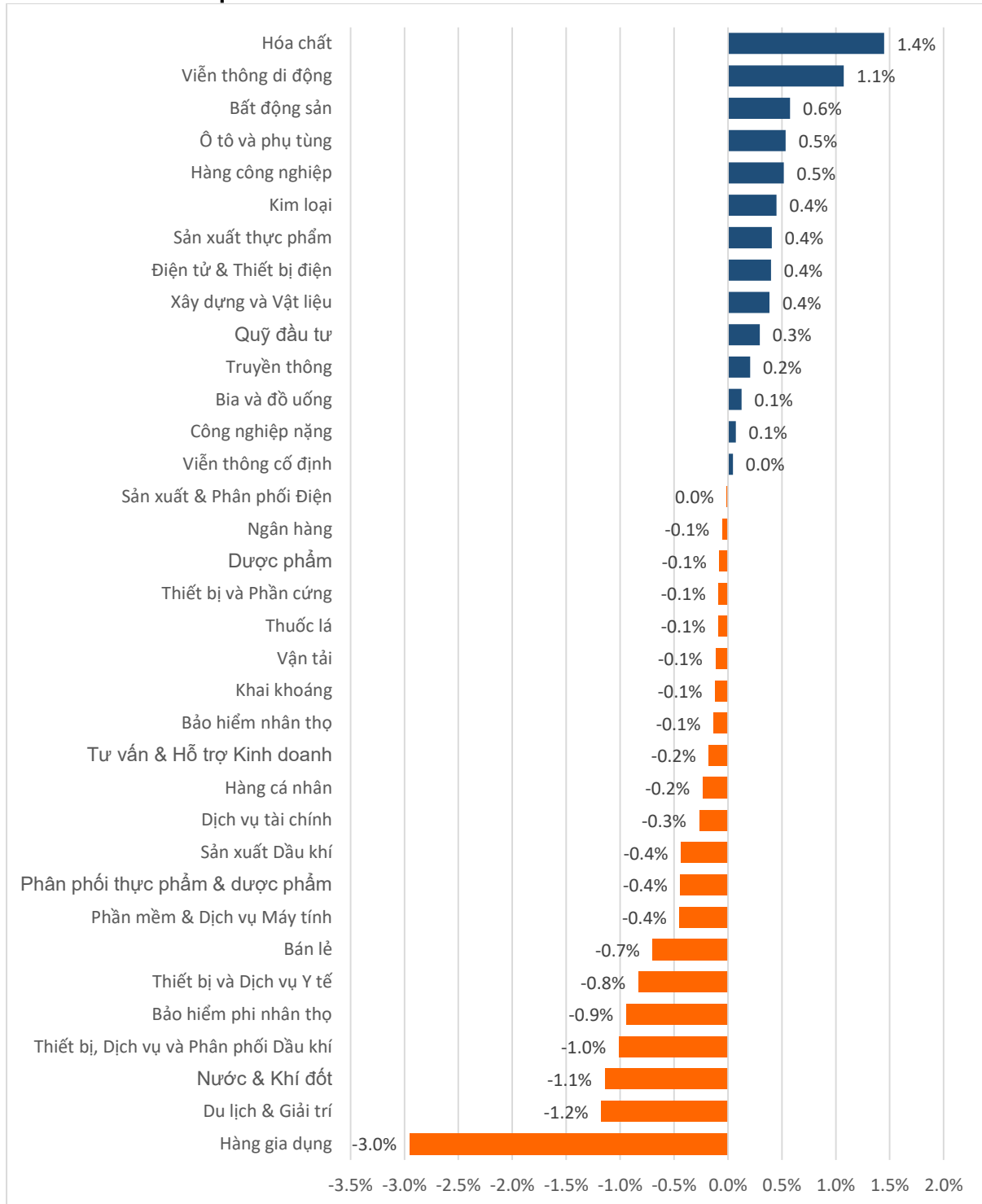
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



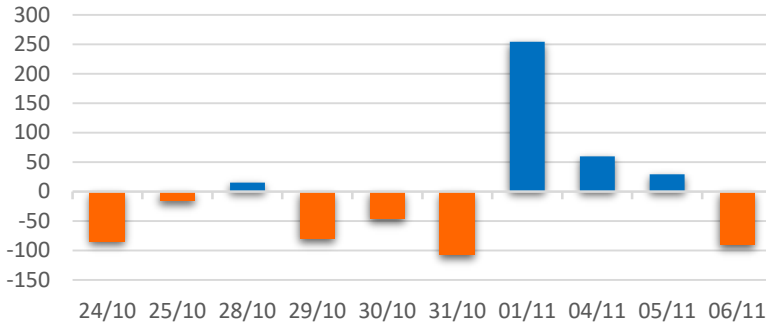
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

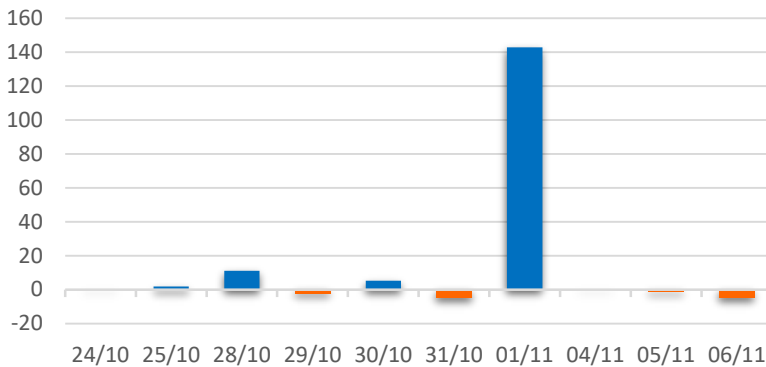
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	51,632	VNM	86,363
VHM	43,074	VCB	23,391
TVS	19,129	CTD	14,009
VIC	13,493	VJC	6,839
HCM	12,218	DXG	6,566

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

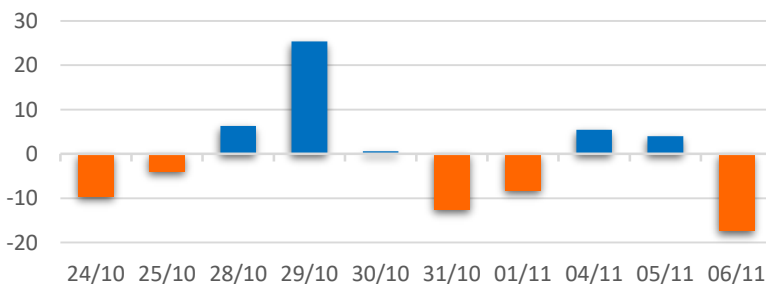
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	340	CEO	1,262
TTT	162	PVS	1,075
VCS	133	PVC	263
SHB	114	MAS	114
BVS	103	PTI	73

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MCH	9,311	BSR	7,100
VTP	2,997	VEA	2,577
ACV	542	BCM	111
ABI	494	VTK	94
MFS	357	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



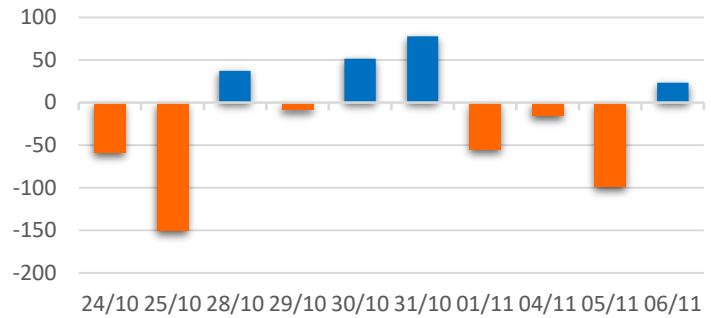
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

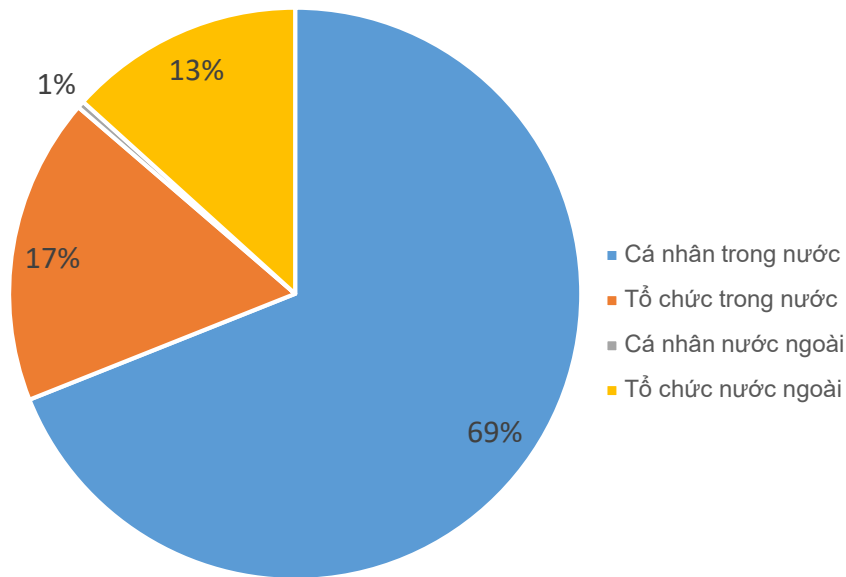
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	13,809	VNM	31,791
E1VFN30	8,941	HPG	17,308
BMI	8,118	MBB	16,082
VPB	7,743	MWG	12,476
DXG	5,961	VHM	12,019

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

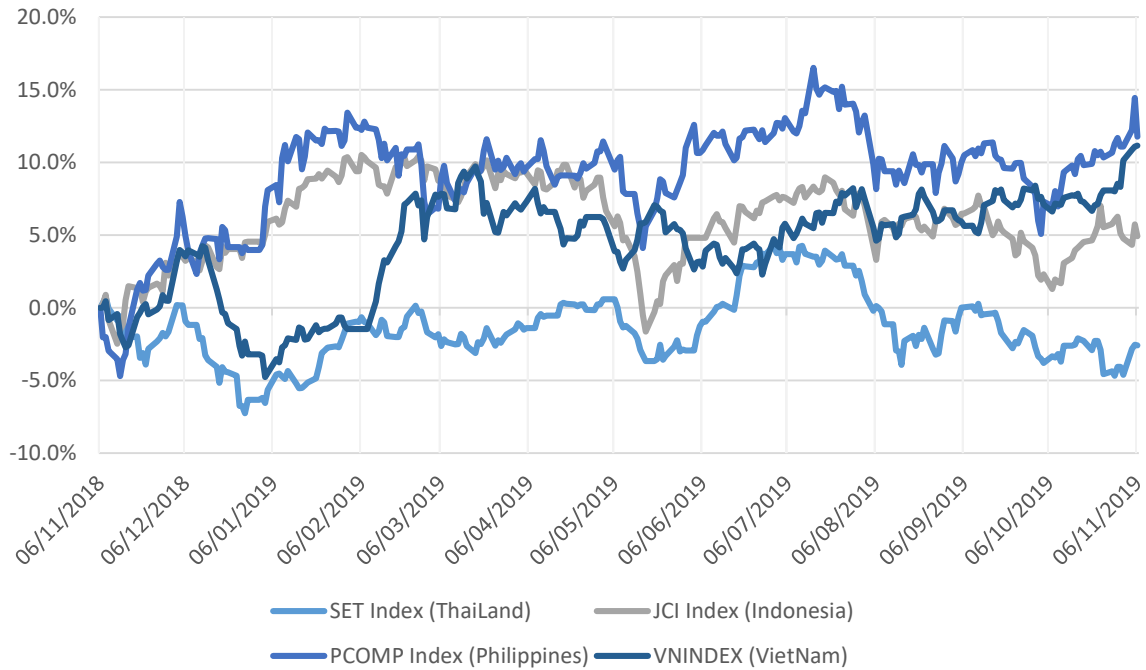


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

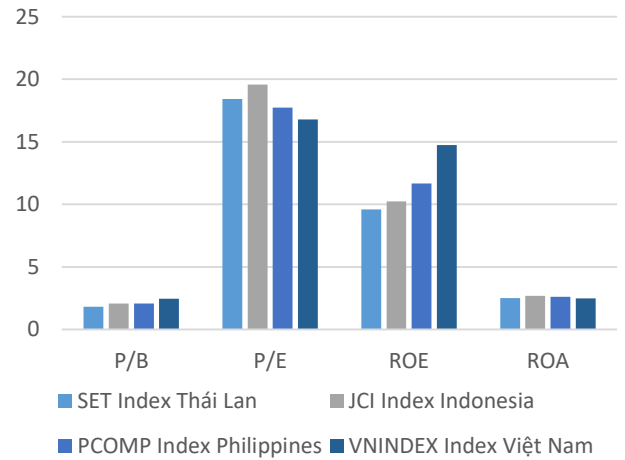
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.1x	2.4x
P/E		18.4x	19.6x	17.7x	16.8x
ROE	%	9.59	10.24	11.65	14.74
ROA	%	2.51	2.69	2.62	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	562.30	515.51	202.72	149.43
GTGD	Triệu USD	1.64	0.53	0.15	0.16
LS cổ tức	%	3.07	2.45	1.57	1.82

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written